TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 36/2019/DS-PT Ngày 18/9/2019 V/v "Tranh chấp thừa kế tài sản"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

  Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé.

  Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Hiếu.

  Bà Thái Thị Phi Yến.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:*** Ông Ngô Văn Hùng- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 17 và 18 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 6 năm 2019 về "Tranh chấp thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2019/DSST ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33/2019/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 36/2019/QĐ-PT ngày 26/8/2019 của Tòa án nhân dân TP Đà Nẵng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Ngô Văn T, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn An Cư Đ 1, thị trấn L, huyện P, tỉnh T; Có mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*: Ông Vũ Cát T, sinh năm 1981; Địa chỉ: 85 đường Y, quận H, thành phố Đ; theo văn bản ủy quyền số 032/UQ18 ngày 28/6/2018; Có mặt tại phiên tòa đến phần tuyên án xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Ngô Văn Tr, sinh năm 1969; Địa chỉ: K222A/29 đường T, tổ 40 phường T, quận T, thành phố Đ*;* Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Như M, sinh năm 1964; Có mặt

2. Chị Ngô Thị Phương L, sinh năm: 1989; Vắng mặt.

3. Anh Ngô Quốc H, sinh năm 1991; Vắng mặt.

4. Chị Ngô Thị Minh H, sinh năm 1994; Có mặt.

Cùng địa chỉ: 153 đường T, quận T, thành phố Đ;

5. Bà Ngô Thị K, sinh năm 1965; Địa chỉ: 135 đường N, quận T, thành phố Đ; Có mặt.

6. Ông Ngô Văn L, sinh năm 1972; Địa chỉ: 98/16/8 đường T, phường T, quận T, thành phố H; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; Địa chỉ: 98/16/8 đường T, phường T, quận T, thành phố H; Có mặt tại phiên tòa đến phần tuyên án xin vắng mặt.

7. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; Có mặt.

8. Cháu Ngô Minh Q, sinh năm 2004;

9. Cháu Ngô Anh K, sinh năm 2007;

Người đại diện hợp pháp của 02 cháu Ngô Minh Q và Ngô Anh K có Bà Nguyễn Thị L (là mẹ ruột)

Cùng địa chỉ: K222A/29 đường T, tổ 40 phường T, quận T, thành phố Đ; Có mặt.

10. Bà Văn Thị K, sinh năm 1970; Địa chỉ: K222A/29 đường T, tổ 40 phường T, quận T, thành phố Đ; Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Ngô Thị K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- *Người kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quyết định số 03/QĐKNPT-VKS-DS về việc kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án dân

sự sơ thẩm số: 06/2019/DSST ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn là ông Ngô Văn T trình bày:* Cha ông là Ngô Văn H, sinh năm 1930, chết năm 2006; mẹ ông là bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1935, chết năm 2013. Sinh thời, cha mẹ ông sinh được 06 người con gồm: Ông Ngô Văn Th, sinh năm 1961, chết năm 2005; ông Ngô Văn T, sinh năm 1963; Bà Ngô Thị K, sinh năm 1965; ông Ngô Văn Tr, sinh năm 1969; Ông Ngô Văn L, sinh năm 1972; ông Ngô Văn B, sinh năm 1974, chết năm 2009. Ông B có vợ là Bà Nguyễn Thị L và 02 người con là cháu Ngô Minh Q, cháu Ngô Anh K. Ông T có vợ là Bà Nguyễn Thị Như M và có 03 người con là Chị Ngô Thị Phương L, anh Ngô Quốc H, chị Ngô Thị Minh H. Ngoài ra cha mẹ ông không có bất cứ người con riêng, con nuôi nào khác. Cha mẹ của cụ H, cụ X đều đã chết trước hai cụ.

Trong quá trình chung sống, cha mẹ ông có tạo lập được một khối tài sản là quyền sở hữu và quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 40113 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02-8-2001, có diện tích đất 305,3m^2 (diện tích đất ở là 200m^2; đất vườn 105,3m^2), thuộc thửa đất số 153, tờ bản đồ số 9 tại địa chỉ K222A/29 đường Trần Cao Vân, phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Trước khi chết, cha mẹ ông không để lại di chúc.

Hiện nay nhà và đất nói trên do em trai ông là ông Ngô Văn Tr quản lý, sử dụng, toàn bộ giấy tờ nhà đất đều do ông Ngô Văn Tr giữ. Các anh chị em khác đều đã có nhà riêng. Trong thời gian vừa qua, anh chị em ông có thống nhất với nhau bằng miệng nhưng trong quá trình xây dựng nhà đã xảy ra mâu thuẫn. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án phân chia thừa kế do cha mẹ ông để lại, cụ thể chia cho ông 1/6 diện tích nhà và đất trên tương đương 50,89m^2. Ông thống nhất hỗ trợ tiền công sức bảo quản di sản đối với ông Tr là 50.000.000 đồng.

- *Bị đơn là ông Ngô Văn Tr trình bày:* Ông xác nhận với ông Ngô Văn T về hàng thừa kế thứ nhất của cha mẹ ông cũng như thời điểm chết cũng như thời điểm chết của ông Ngô Văn Th và ông Ngô Văn B. Khi chết cha mẹ ông không để lại di chúc và ước nguyện của cha mẹ ông là để nhà đất này làm nhà thờ tự, sau này khi

con cháu sa cơ lỡ vận thì còn có nơi tá túc. Ông Ngô Văn T đã có gia đình và sống cách ly 25 năm từ năm 1993, không thực hiện nghĩa vụ chăm sóc ông bà khi còn sống và ngay cả trên giường bệnh nay lại đòi quyền lợi. Hiện nay căn nhà đang phục vụ nhu cầu sinh sống của ba mẹ con Bà Nguyễn Thị L chồng mất, hộ nghèo. Và là nơi mưu sinh của ông Ngô Văn Tr và bà Văn Thị K. Ngoài ra, từ trước đến nay ông đã nâng cấp và sửa chữa ngôi nhà trên nhiều lần khoảng 636.700.000 đồng. Ông không có chứng cứ nên không yêu cầu việc sửa chữa ngôi nhà. Ông đồng ý kết quả cấp sơ thẩm đã tuyên cho ông được xem xét tiền công sức bảo quản di sản từ các đồng thừa kế là 200.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông yêu cầu Tòa án bác đơn kiện của ông Ngô Văn T không chia di sản thừa kế. Tuy nhiên, đến phiên tòa phúc thẩm, ông đồng ý chia di sản thừa kế theo pháp luật. Ngoài ra, đối với kỷ phần của bà K, ông L được nhận đất đồng ý giao cho ông để ông có nghĩa vụ thối tiền chênh lệch tài sản cho bà K và ông L thì ông thống nhất.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Bà Nguyễn Thị Như M; Bà Ngô Thị K; Ông Ngô Văn L; Bà Nguyễn Thị L và bà Văn Thị K:* Tại giai đoạn sơ thẩm đều thống nhất với phần trình bày và yêu cầu như trên của ông Ngô Văn Tr là không đồng ý chia di sản thừa kế. Tuy nhiên, đến giai đoạn phúc thẩm, tất cả các đồng thừa kế trên đều thống nhất chia di sản thừa kế. Bà Văn Thị K không yêu cầu xem xét số tiền 636.700.000 đồng từ việc nâng cấp, sửa chữa nhà. Ông Ngô Văn L và Bà Ngô Thị K không nhận quyền sử dụng đất mà thống nhất giao phần đất của mình được chia ở cấp sơ thẩm cho ông Tr sở hữu, sử dụng và ông Tr có nghĩa vụ thối trả tiền chênh lệch tài sản cho ông L và bà K.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Chị Ngô Thị Phương L, anh Ngô Quốc H, chị Ngô Thị Minh H* tại giai đoạn phúc thẩm cùng Bà Ngô Thị K thống nhất đổi vị trí đất cho nhau.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2019/DSST ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng đã xử và quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 63, 147, 165, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 612, 613, 616, 618, 623, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp về thừa kế tài sản" của ông Ngô Văn T đối với ông Ngô Văn Tr.

II. Xác định di sản thừa kế của ông Ngô Văn H, bà Nguyễn Thị X là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở có diện tích 305,3m^2 tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 9, địa chỉ K222A/29 đường Trần Cao Vân, tổ 40 phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402040577 ngày 02-8-2001 do Ủy ban nhân dân TP Đà Nẵng cấp đứng tên ông Ngô Văn H, bà Nguyễn Thị X; có giá trị là 8.120.299.233 đồng.

III. Xác định những người thừa kế theo pháp luật của ông Ngô Văn H, bà Nguyễn Thị X gồm có: Bà Nguyễn Thị Như M, Chị Ngô Thị Phương L, anh Ngô Quốc H, chị Ngô Thị Minh H (vợ con của ông Ngô Văn Th); ông Ngô Văn T; Bà Ngô Thị K; ông Ngô Văn Tr; Ông Ngô Văn L; Bà Nguyễn Thị L, cháu Ngô Minh Q, cháu Ngô Anh K (vợ con của ông Ngô Văn B).

IV. Phân chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông Ngô Văn H, bà Nguyễn Thị X thành 06 kỷ phần thừa kế theo "Sơ đồ bản vẽ phân chia quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 9, địa chỉ K222A/29 Trần Cao Vân, tổ 40 phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng" (đính kèm theo bản án); mỗi kỷ phần có giá trị là 1.353.383.206 đồng; cụ thể như sau:

1. Bà Nguyễn Thị Như M, Chị Ngô Thị Phương L, anh Ngô Quốc H, chị Ngô Thị Minh H (vợ con của ông Ngô Văn Th) được hưởng phần nhà và đất diện tích 48,2m^2 tại vị trí đánh số (2) trên Sơ đồ bản vẽ, có giá trị là 1.113.623.705 đồng.

2. Ông Ngô Văn T được hưởng phần đất diện tích 50,5m^2 tại vị trí đánh số (3) trên Sơ đồ bản vẽ, có giá trị là 1.164.223.101 đồng.

3. Bà Ngô Thị K được hưởng phần nhà và đất diện tích 57,2m^2 tại vị trí đánh số (6) trên Sơ đồ bản vẽ, có giá trị là 1.697.521.918 đồng.

4. Ông Ngô Văn Tr được hưởng phần nhà và đất diện tích 80,3m^2 tại vị trí đánh số (4) trên Sơ đồ bản vẽ, có giá trị là 2.412.098.559 đồng.

5. Ông Ngô Văn L được hưởng phần nhà và đất diện tích 48,2m^2 tại vị trí đánh số (1) trên Sơ đồ bản vẽ, có giá trị là 1.119.747.205 đồng.

6. Bà Nguyễn Thị L, cháu Ngô Minh Q, cháu Ngô Anh K (vợ con của ông Ngô Văn B) được hưởng phần đất diện tích 20,9m^2 tại vị trí đánh số (5) trên Sơ đồ bản vẽ, có giá trị là 612.476.360 đồng.

V. Thối trả chênh lệch giá trị các kỷ phần thừa kế như sau:

1. Ông Ngô Văn Tr có nghĩa vụ thối trả cho Bà Nguyễn Thị Như M, Chị Ngô Thị Phương L, anh Ngô Quốc H, chị Ngô Thị Minh H là 239.759.501 đồng.

2. Ông Ngô Văn Tr có nghĩa vụ thối trả cho Bà Nguyễn Thị L, cháu Ngô Minh Q, cháu Ngô Anh K là 740.906.846 đồng.

3. Bà Ngô Thị K có nghĩa vụ thối trả cho ông Ngô Văn T là 189.160.105 đồng.

4. Ông Ngô Văn Tr có nghĩa vụ thối trả cho Ông Ngô Văn L là 78.049.006 đồng và Bà Ngô Thị K có nghĩa vụ thối trả cho Ông Ngô Văn L là 154.978.607 đồng.

VI. Ông Ngô Văn Tr được nhận thanh toán chi phí bảo quản di sản thừa kế là 200.000.000 đồng từ Bà Nguyễn Thị Như M, Chị Ngô Thị Phương L, anh Ngô Quốc H, chị Ngô Thị Minh H, ông Ngô Văn T, Bà Ngô Thị K, Ông Ngô Văn L, cụ thể:

1. Bà Nguyễn Thị Như M, Chị Ngô Thị Phương L, anh Ngô Quốc H, chị Ngô Thị Minh H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Ngô Văn Tr 50.000.000 đồng.

2. Ông Ngô Văn T, Bà Ngô Thị K, Ông Ngô Văn L mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho ông Ngô Văn Tr 50.000.000 đồng.

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

VII. Công nhận phần nhà hai tầng xây dựng trên diện tích đất 20,9m^2 tại vị trí đánh số (5) trên Sơ đồ bản vẽ có giá trị 122.203.250 đồng thuộc quyền sở hữu của Bà Nguyễn Thị L.

VIII. Sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ của mình, những người thừa kế theo pháp luật của ông Ngô Văn H, bà Nguyễn Thị X có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở.

IX. Án phí và các chi phí tố tụng khác:

1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Ngô Văn T phải chịu là 52.601.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 đồng theo Biên lai thu số 0004104 ngày 21/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê. Ông Thảo còn phải nộp số tiền là 45.101.000 đồng.

- Bà Ngô Thị K, ông Ngô Văn Tr, Ông Ngô Văn L mỗi người phải chịu là 52.601.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Như M, Chị Ngô Thị Phương L, anh Ngô Quốc H, chị Ngô Thị Minh H phải chịu là 52.601.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị L, cháu Ngô Minh Q, cháu Ngô Anh K phải chịu là 52.601.000 đồng.

2. Chi phí thẩm định giá tài sản: Ông Ngô Văn T tự nguyện chịu là 25.000.000 đồng, đã nộp xong.

Ngoài ra án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/5/2019, ông Ngô Văn Tr, Ông Ngô Văn L, Bà Ngô Thị K, bà Văn Thị K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung cấp sơ thẩm xét xử không khách quan, không đúng pháp luật, có nhiều uẩn khúc, không thỏa mãn với các người con trong gia đình. Tuy nhiên, chỉ có Bà Ngô Thị K nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại.

- Ngày 07/6/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quyết định số 03/QĐKNPT-VKS-DS về việc kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2019/DSST ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng do có những vi phạm: Không xác định rõ thời điểm mở thừa kế dẫn đến xác định thiếu và không đúng người thừa kế; phân chia di sản thừa kế không đúng quy định; xác định nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm không đúng. Do đó, kháng nghị một phần Bản án dân sự sơ thẩm và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm theo hướng sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Ngô Thị Phương L và anh Ngô Quốc H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với họ theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng thì thấy:

[2.1] Theo nguyên tắc chia thừa kế và quy định của Điều 658 Bộ luật dân sự về thứ tự ưu tiên thanh toán thì chi phí công sức bảo quản di sản 200.000.000 đồng mà ông Ngô Văn Tr yêu cầu phải được trích trừ từ khối di sản của cụ H và cụ X để lại rồi mới chia thừa kế nhưng cấp sơ thẩm sau khi chia thừa kế xong mới buộc các đồng thừa kế có nghĩa vụ thanh toán chi phí này cho ông Tr là không đúng, dẫn đến việc phân chia kỷ phần thừa kế và nghĩa vụ chịu án phí của các thừa kế không chính xác. Như vậy, xác định khối di sản của cụ H, cụ Xlà: 8.242.502.483 đồng – 122.203.250 đồng – 200.000.000 đồng = 7.920.299.233 đồng.

[2.2] Không xác định rõ thời điểm mở thừa kế dẫn đến xác định thiếu và không đúng người thừa kế: Cụ Ngô Văn H và cụ Nguyễn Thị X có 06 người con chung gồm: Ông Ngô Văn Th, chết 2005; ông Ngô Văn T, Bà Ngô Thị K, ông Ngô

Văn Tr, Ông Ngô Văn L, ông Ngô Văn B, chết năm: 2009. Cụ H không có con riêng, bố mẹ cụ H và cụ X đều đã qua đời. Ông Ngô Văn Th kết hôn với Bà Nguyễn Thị Như M sinh được 03 người con là Chị Ngô Thị Phương L, anh Ngô Quốc H và chị Ngô Thị Minh H. Tuy nhiên, Ông Tchết trước thời điểm cụ H chết nên theo quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự thì 03 người con của Ông T là Chị Ngô Thị Phương L, anh Ngô Quốc H và chị Ngô Thị Minh H sẽ được hưởng thừa kế thế vị đối với kỷ phần mà Ông T được hưởng thừa kế của cụ H. Ông Ngô Văn B kết hôn với Bà Nguyễn Thị L sinh được 02 người con là cháu Ngô Minh Q và Ngô Anh K. Do Ông B chết sau cụ H nên vợ con Ông B gồm Bà Nguyễn Thị L, cháu Ngô Minh Q, cháu Ngô Anh K được hưởng thừa kế đối với kỷ phần mà Ông B được hưởng thừa kế của cụ H.

[2.3] Như vậy, những người được hưởng di sản thừa kế của cụ H sẽ gồm 7 người: Cụ X; ông T; ông Tr; ông L; bà K; Ông T (Hàng thừa kế thế vị của Ông T gồm có chị L, anh H, chị H); Ông B (Hàng thừa kế của Ông B gồm có bà L, cháu Q, cháu K).

[2.4] Thời điểm mở thừa kế của cụ X năm 2013: Ông Ngô Văn Th và ông Ngô Văn B đều chết trước thời điểm cụ X chết nên theo quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự thì các con của Ông T là Chị Ngô Thị Phương L, anh Ngô Quốc H và chị Ngô Thị Minh H và các con của Ông Blà cháu Ngô Minh Q, cháu Ngô Anh K sẽ được hưởng thừa kế thế vị đối với kỷ phần mà ông Th, Ông B được hưởng khi chia di sản của cụ X.

[2.5] Như vậy, những người được hưởng di sản thừa kế của cụ X sẽ gồm 6 người: Ông T; ông Tr; bà K; ông L; Ông T (Hàng thừa kế thế vị của Ông T gồm có chị L, anh H, chị H); Ông B (Hàng thừa kế của Ông B gồm có cháu Q, cháu K).

[2.6] Tư đó cho thấy bà Nguyễn Thị Như M là vợ ông Ngô Văn Th không phải là người thuộc hàng thừa kế theo pháp luật hưởng kỷ phần thừa kế của ông Thuận; Bà Nguyễn Thị L là vợ ông Ngô Văn B chỉ là người được hưởng kỷ phần thừa kế của Ông B đối với di sản do cụ H để lại, không được hưởng kỷ phần thừa kế của Ông B đối với di sản của cụ X nhưng cấp sơ thẩm lại xác định bà M, bà L là người thuộc hàng thừa kế theo pháp luật hưởng kỷ phần thừa kế của chồng là ông

Th, Ông B trong khối di sản cụ H, cụ X để lại và phân chia di sản thừa kế cho bà M, bà L là không đúng quy định. Đồng thời đưa bà M vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không đúng.

[2.7] Phân chia di sản thừa kế của cụ H: Mỗi phần di sản có giá trị là 3.960.149.616 đồng : 7 = 565.735.659 đồng. Như vậy, cụ X; ông T; ông Tr; ông L; bà K; Ông T (Hàng thừa kế thế vị của Ông T gồm có chị L, anh H, chị H); Ông B (Hàng thừa kế của Ông B gồm có bà L, cháu Q, cháu K) mỗi người được hưởng 565.735.659đồng/1 suất.

[2.8] Phân chia di sản thừa kế của cụ X: Khối di sản được hưởng: 3.960.149.616 đồng + 565.735.659đồng = 4.525.885.275 đồng.

Mỗi phần di sản có giá trị là 4.525.885.275 đồng : 6 = 754.314.212 đồng. Như vậy, ông T; ông Tr; ông L; bà K; Ông T (Hàng thừa kế thế vị của Ông T gồm có chị L, anh H, chị H); Ông B (Hàng thừa kế thế vị của Ông B gồm có cháu Q, cháu K) mỗi người được hưởng 754.314.212 đồng/1 suất.

[2.9] Xác định kỷ phần thừa kế của các đồng thừa kế được hưởng di sản thừa kế của cụ H và cụ X:

-Hàng thừa kế thế vị của Ông T gồm có chị L, anh H, chị H được nhận di sản của cụ H và cụ X để lại là 565.735.659 đồng + 754.314.212 đồng = 1.320.049.871 đồng.

-Ông T, ông L, bà K mỗi người được nhận 1.320.049.871 đồng.

-Ông Tr được nhận 1.320.049.871 đồng + 200.000.000 đồng = 1.520.049.871 đồng.

-Hàng thừa kế thế vị của Ông B gồm có cháu Q, cháu K được nhận 754.314.212 đồng + (188.578.553 đồng x 2) = 1.131.471.318 đồng : 2 = 565.735.659 đồng/1 người. Như vậy, cháu Q, cháu K mỗi cháu nhận 565.735.659 đồng. Bà L là mẹ và là người đại diện hợp pháp nhận thay cho hai cháu Q và K.

[2.10] Xác định kỷ phần thừa kế của các đồng thừa kế được hưởng di sản thừa kế của cụ X: Bà L được nhận kỷ phần thừa kế là 188.578.553 đồng. Như vậy, bà L được nhận tổng cộng là 1.320.049.871 đồng trong đó có kỷ phần thừa kế của hai cháu Q và K.

[2.11] Sau khi chia di sản thừa kế của cụ H, cụ X để lại thì mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng có giá trị là: (565.735.660 đồng + 754.314.213 đồng)= 1.320.049.871 đồng. Như vậy mỗi kỷ phần chênh lệch 33.333.335 đồng so với kỷ phần cấp sơ thẩm xác định. Việc xác định giá trị kỷ phần thừa kế không đúng kéo theo quyết định về nghĩa vụ chịu án phí của mỗi người thừa kế cũng không chính xác.

[2.12] Mặt khác, cấp sơ thẩm chia cho mẹ con bà L phần diện tích đất 20,9m² (trên đất có ngôi nhà 02 tầng do bà L xây dựng) là không đủ diện tích để tách thửa và cấp giấy chứng nhận bởi theo Quyết định số 42/2014/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 và Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND TP Đà Nẵng thì diện tích tối thiểu của thửa đất ở hình thành và thửa đất ở còn lại sau khi tách thửa trên địa bàn quận Thanh Khê phải là 50m², chiều rộng cạnh thửa đất tối thiểu là 3m. Trong khi đó đất ở trong khối di sản của cụ H và cụ X chỉ 200m^2. Do đó, việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng kháng nghị một phần bản án cấp sơ thẩm là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[3] Bà Ngô Thị K không đồng ý quyết định xét xử của cấp sơ thẩm là không khách quan, không đúng pháp luật nên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Ông T (Người đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Vũ Cát T); bà L, cháu K, cháu Q (Do bà L là người đại diện hợp pháp); vợ chồng ông Tr và bà K; đại diện hàng thừa kế thế vị của ông Ngô Văn Th là chị Ngô Thị Minh H; bà K; ông L do bà H đại diện theo ủy quyền thống nhất thỏa thuận như sau:

[3.1] Xác định di sản thừa kế của cụ Ngô Văn H và cụ Nguyễn Thị X: Là ngôi nhà trước 1 tầng +gác lửng gỗ (nhà trước) có diện tích xây dựng 52,63m^2 tọa lạc trên diện tích đất là 305,3m^2, trong đó đất ở là 200m², đất vườn là 105,3m² ,thuộc thửa đất số 153, tờ bản đồ số 9 tại địa chỉ K222A/29 Trần Cao Vân, tổ 40 cũ nay tổ 19, phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402040577 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/8/2001 đứng tên Ngô Văn H và Nguyễn Thị X. Di sản

được chia theo quy định của pháp luật. Vợ chồng ông Tr, bà K không yêu cầu xem xét số tiền 636.700.000 đồng từ việc nâng cấp, sửa chữa nhà. Ông Tr yêu cầu xem xét công sức bảo quản di sản là 200.000.000 đồng (Trừ bà L vì bà L là hộ nghèo) và được các đồng thừa kế thống nhất. Căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá ngày 11/01/2019 của Công ty cổ phần Thẩm định giá BTC Value thì tổng giá trị nhà và tài sản gắn liền với đất là 8.242.502.483 đồng, trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 8.018.086.194 đồng và giá trị các tài sản gắn liền trên đất là 224.416.289 đồng và bao gồm ngôi nhà 02 tầng do bà L mới xây dựng có giá trị 122.203.250 đồng. Hiện nay, nhà và đất này do vợ chồng ông Ngô Văn Tr và bà Văn Thị K quản lý, sử dụng. Số tiền 200.000.000 đồng là tiền thanh toán chi phí công sức bảo quản di sản cho ông Tr được trích trừ mỗi kỷ phần là 50.000.000 đồng từ khối di sản của cụ H và cụ X để lại rồi mới chia thừa kế. Ngoài ra, cụ H, cụ X không để lại nghĩa vụ gì. Như vậy, di sản của cụ H và cụ X là: 8.242.502.483 đồng – 122.203.250 đồng – 200.000.000 đồng = 7.920.299.233 đồng.

[3.2] Thời điểm mở thừa kế cụ Ngô Văn H là năm 2006.

[3.3] Về hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ngô Văn H gồm 7 người: Cụ X; ông T; ông Tr; ông L; bà K; Ông T (Hàng thừa kế thế vị của Ông T gồm có chị L, anh H, chị H); Ông B (Hàng thừa kế của Ông B gồm có bà L, cháu Q, cháu K).

[3.4] Phân chia di sản thừa kế của cụ H: Hàng thừa kế thứ nhất của cụ H mỗi người được hưởng 565.735.659đồng/1 suất.

[3.5] Thời điểm mở thừa kế cụ Nguyễn Thị X là năm 2013.

[3.6] Hàng thừa kế thứ nhất của cụ X gồm 6 người: Ông T; ông Tr; bà K; ông L; Ông T (Hàng thừa kế thế vị của Ông T gồm có chị L, anh H, chị H); Ông B (Hàng thừa kế thế vị của Ông B gồm có cháu Q, cháu K).

[3.7] Phân chia di sản thừa kế của cụ X: Hàng thừa kế thứ nhất của cụ X mỗi người được hưởng 754.314.212 đồng/1 suất.

[3.8] Xác định kỷ phần thừa kế của các đồng thừa kế được hưởng di sản thừa kế của cụ H và cụ X:

-Hàng thừa kế thế vị của Ông T gồm có chị L, anh H, chị H được nhận di sản của cụ H và cụ X để lại: 1.320.049.871 đồng.

-Ông T, bà K, ông L mỗi người được nhận: 1.320.049.871 đồng

-Ông Tr được nhận: 1.520.049.871 đồng

-Hàng thừa kế thế vị của Ông B gồm có cháu Q, cháu K được nhận mỗi cháu 565.735.659 đồng/1 người.

[3.9] Xác định kỷ phần thừa kế của các đồng thừa kế được hưởng di sản thừa kế của cụ X: Bà L được nhận: 188.578.553 đồng.

Như vậy, bà L được nhận tổng cộng là 1.320.049.871 đồng, trong đó bao gồm kỷ phần thừa kế của hai cháu Q và K.

[3.10] Bà Nguyễn Thị Như M là vợ ông Ngô Văn Th không phải là người thuộc hàng thừa kế theo pháp luật hưởng kỷ phần thừa kế của ông Th; Bà Nguyễn Thị L là vợ ông Ngô Văn B chỉ là người được hưởng kỷ phần thừa kế của ông B đối với di sản do cụ H để lại, không được hưởng kỷ phần thừa kế của Ông B đối với di sản của cụ X nhưng tại phiên tòa hôm nay vì cháu Q và cháu K đều chưa thành niên nên bà L là người giám hộ đồng ý toàn bộ kỷ phần thừa kế hai con giao cho bà quản lý.

[3.11] Ông T; ông Tr; bà L; chị L, anh H, chị H đều có nhu cầu được chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất và các vật kiến trúc trên đất kèm theo vị trí trong sơ đồ bản vẽ hiện nay của cấp phúc thẩm. Đồng thời, chị L, anh H, chị H thống nhất được nhận phần đất phía sau trước đây cấp sơ thẩm đã chia cho bà K. Riêng bà K, bà H vợ của ông L thống nhất giao phần đất của mình cho ông Tr, không nhận đất mà đồng ý để ông Tr thối tiền chênh lệch tài sản lại cho ông bà. Ai nhận giá trị kỷ phần thừa kế nhiều hơn thì có nghĩa vụ thối trả chênh lệch tài sản cho ông L và bà K, cụ thể như sau:

[3.12] Ông Ngô Văn Tr đang quản lý, sử dụng di sản thừa kế, đồng thời ông Tr là người chăm lo hương khói cho ông bà, cha mẹ nên ông Tr nhận ngôi nhà trước 1 tầng + gác lửng gỗ có diện tích xây dựng 52,63m^2 trị giá 38.453.462 đồng tọa lạc diện tích đất 154,34m^2 (trong đó đất ở 52,63m^2 x 29.305.089 đồng/m^2 = 1.542.326.834 đồng; đất khuôn viên 101,71m^2 x 20.484.980 đồng/m^2 = 2.083.527.315 đồng) tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 9, địa chỉ K222A/29 Trần Cao Vân, tổ 40 cũ nay tổ 19, phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

Có tứ cận: Đông giáp kiệt 222A Trần Cao Vân, tây giáp nhà và đất giao cho bà Lan, nam giáp phần đất giao cho ông Thảo, bắc giáp nhà bà Nguyễn Thị H (Ký hiệu D, có sơ đồ cụ thể kèm theo).

Trên nhà, đất ông Tr được nhận có vật kiến trúc: Chái hiên trước trị giá 8.852.250 đồng; nhà vệ sinh trước có diện tích xây dựng 6,62m^2 trị giá 6.123.500 đồng; 2/3 hàng rào, cổng ngõ trước và hàng rào hướng Nam trị giá 4.472.000 đồng; 2/3 hàng rào hướng bắc trị giá 5.029.333 đồng.

Tổng giá trị nhà, vật kiến trúc và đất là: 3.688.784.694 đồng.

[3.13] Bà Nguyễn Thị L có xây dựng ngôi nhà 2 tầng (nhà sau) với diện tích xây dựng 39,58m^2 trị giá 122.203.250 đồng. Hiện nay mẹ con bà L đang sinh sống nên bà L tiếp tục nhận ngôi nhà phía sau cho mẹ con bà L tọa lạc trên diện tích đất 50,11m^2 (trong đó đất ở 47,37m^2 x 29.305.089 đồng/m^2 = 1.388.182.066 đồng; đất khuôn viên 2,74m^2 x 20.484.980 đồng/m^2 = 56.128.845 đồng). Có tứ cận: Đông giáp nhà và đất giao cho ông Tr, tây giáp đường kiệt 236 Trần Cao Vân, nam giáp nhà, đất giao cho chị L, anh H, chị H, bắc giáp nhà bà Nguyễn Thị H (Ký hiệu C, có sơ đồ cụ thể kèm theo).

Trên nhà, đất chia cho bà L, Ngô Anh Q, Ngô Anh K có vật kiến trúc: Nhà đang xây chưa xong diện tích 17,24m^2 trị giá 9.007.900 đồng; nhà vệ sinh sau diện tích 2,33m^2 trị giá 2.586.300 đồng.

Tổng giá trị nhà, vật kiến trúc và đất là: 1.578.108.361 đồng.

[3.14] Hàng thừa kế thế vị của ông Ngô Văn Th gồm chị L, anh H, chị H nhận với diện tích đất 50,85m^2 (trong đó đất ở 50m^2 x 29.305.089 đồng/m^2 = 1.465.254.450 đồng; đất khuôn viên 0,85m^2 x 20.484.980 đồng/m^2 = 17.412.233 đồng). Có tứ cận: Đông giáp đất giao cho ông T, tây giáp đường kiệt 236 Trần Cao Vân, nam giáp nhà ông Phan Th, bắc giáp nhà đất giao cho bà L (Ký hiệu B, có sơ đồ cụ thể kèm theo).

Trên phần đất có phần xây dựng, vật kiến trúc: Nhà bếp, phòng ngủ, phòng tắm trị giá 16.188.827 đồng; chái bên giếng nước và giếng trị giá 3.934.500 đồng; gạch men ốp quanh giếng trị giá 1.666.800 đồng.

Tổng giá trị nhà, vật kiến trúc và đất là: 1.504.456.810 đồng.

[3.15] Phần đất còn lại của phía trước ngôi nhà, sát bên phần nhà và đất ông Tr được nhận thì ông Ngô Văn T được nhận với diện tích đất ở 50m^2 trị giá 1.465.254.450 đồng. Có tứ cận: Đông giáp kiệt 222A Trần Cao Vân, tây giáp nhà, đất giao cho chị L, anh H, chị H, nam giáp nhà ông Phan Th, bắc giáp nhà đất giao cho ông Tr (Ký hiệu A, có sơ đồ cụ thể kèm theo).

Trên đất có 1/3 hàng rào, cổng ngõ phía trước của căn nhà hướng Nam và Bắc có trị giá là 4.750.667 đồng; chuồng nuôi vịt có trị giá 1.147.500 đồng.

Tổng giá trị vật kiến trúc và đất là: 1.471.152.617 đồng.

[3.16] Các đồng thừa kế được nhận giá trị lớn hơn giá trị một kỷ phần thừa kế được nhận đồng ý nhận trách nhiệm thối trả phần giá trị chênh lệch cho Bà Ngô Thị K và Ông Ngô Văn L. Cụ thể:

-Ông Ngô Văn Tr thối cho bà K, ông L tổng cộng: 2.168.734.823 đồng. Chia phần mỗi người: 1.084.367.411 đồng.

-Bà Nguyễn Thị L, Ngô Anh Q, Ngô Anh K thối cho bà K, ông L tổng cộng: 135.855.240 đồng. Chia phần mỗi người: 67.927.620 đồng.

-Chị Ngô Thị Phương L, anh Ngô Quốc H, chị Ngô Thị Minh H thối cho bà K, ông L tổng cộng: 184.406.939 đồng. Chia phần mỗi người: 92.203.469 đồng.

-Ông Ngô Văn T thối cho bà K, ông L tổng cộng: 151.102.746 đồng. Chia phần mỗi người: 75.551.373 đồng.

HĐXX xét thấy: Việc thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX công nhận theo nội dung đã thỏa thuận trên.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự tại phiên tòa.

Xét thấy đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đồng thừa kế phải chịu án phí đối với

phần họ được hưởng thừa kế. Riêng bà Lan thuộc hộ nghèo có đơn xác nhận của UBND phường Tam Thuận, Quận Thanh Khê. Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí đối với bà Lan.

[6] Chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định giá tài sản: 25.000.000 đồng; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 1.000.000 đồng. Theo quy định phải chia theo tỷ lệ tương ứng với kỷ phần thừa kế mình đã nhận nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, ông Thảo tự nguyện chịu toàn bộ (Đã nộp và chi xong).

[7] Án phí DSPT: Do các đương sự thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên Bà Ngô Thị K phải chịu án phí DSPT theo quy định tại Khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296, Điều 300, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 219, 357, 611, 612, 613, 616, 618, 649, 650, 651, 652, 658, 660 Bộ luật dân sự; Quyết định số 42/2014/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 và Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND TP Đà Nẵng; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa; Sửa Bản án sơ thẩm số : 06/2019/DSST ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng về việc tranh chấp về thừa kế tài sản như sau:

-Ông Ngô Văn Tr được quyền sở hữu, sử dụng ngôi nhà trước 1 tầng + gác lửng gỗ có diện tích xây dựng 52,63m^2 tọa lạc diện tích đất 154,34m^2 (trong đó đất

ở 52,63m^2; đất khuôn viên 101,71m^2) tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 9, địa chỉ K222A/29 Trần Cao Vân, tổ 40 cũ nay tổ 19, phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng. Có tứ cận: Đông giáp kiệt 222A Trần Cao Vân, tây giáp nhà và đất giao cho bà L, nam giáp phần đất giao cho ông T, bắc giáp nhà bà Nguyễn Thị H. Trị giá nhà và đất: 3.664.307.611 đồng. Vật kiến trúc trên đất: Chái hiên trước; nhà vệ sinh trước có diện tích xây dựng 6,62m^2; 2/3 hàng rào, cổng ngõ trước và hàng rào hướng Nam; 2/3 hàng rào hướng bắc trị giá vật kiến trúc: 24.477.083 đồng. Tổng giá trị nhà, vật kiến trúc và đất là: 3.688.784.694 đồng. (Vị trí D, có sơ đồ cụ thể kèm theo).

-Bà Nguyễn Thị L, Ngô Anh Q, Ngô Anh K (Bà L đại diện hợp pháp cho hai con) được quyền sở hữu, sử dụng ngôi nhà 2 tầng (nhà sau) với diện tích xây dựng 39,58m^2 tọa lạc trên diện tích đất 50,11m^2 (trong đó đất ở 47,37m^2; đất khuôn viên 2,74m^2) Trị giá nhà và đất: 1.566.514.161 đồng. Có tứ cận: Đông giáp nhà và đất giao cho ông Tr, tây giáp đường kiệt 236 Trần Cao Vân, nam giáp nhà, đất giao cho chị L, anh H, chị H, bắc giáp nhà bà Nguyễn Thị H. Vật kiến trúc trên đất: Nhà đang xây chưa xong diện tích 17,24m^2; nhà vệ sinh sau diện tích 2,33m^2 trị giá vật kiến trúc: 11.594.200 đồng. Tổng giá trị nhà, vật kiến trúc và đất là: 1.578.108.361 đồng. (Ký hiệu C, có sơ đồ cụ thể kèm theo).

-Chị L, anh H, chị H được quyền sở hữu, sử dụng với diện tích đất 50,85m^2 (trong đó đất ở 50m^2; đất khuôn viên 0,85m^2) trị giá 1.482.666.683 đồng. Vật kiến trúc trên đất: Nhà bếp, phòng ngủ, phòng tắm; chái bên giếng nước và giếng; gạch men ốp quanh giếng. Trị giá vật kiến trúc: 21.790.127 đồng. Tổng giá trị nhà, vật kiến trúc và đất là: 1.504.456.810 đồng. Có tứ cận: Đông giáp đất giao cho ông T, tây giáp đường kiệt 236 Trần Cao Vân, nam giáp nhà ông Phan Th, bắc giáp nhà đất giao cho bà L (Ký hiệu B, có sơ đồ cụ thể kèm theo).

-Ông Ngô Văn T được quyền sở hữu, sử dụng với diện tích đất 50m^2 đất ở trị giá 1.465.254.450 đồng. Có tứ cận: Đông giáp kiệt 222A Trần Cao Vân, tây giáp nhà, đất giao cho chị L, anh H, chị H, nam giáp nhà ông Phan Th, bắc giáp nhà đất giao cho ông Tr (Ký hiệu A, có sơ đồ cụ thể kèm theo).Trên đất có 1/3 hàng rào, cổng ngõ phía trước của căn nhà hướng Nam và Bắc; chuồng nuôi vịt trị giá vật

kiến trúc: 5.898.167 đồng. Tổng giá trị vật kiến trúc và đất là: 1.471.152.617 đồng. (Ký hiệu A, có sơ đồ cụ thể kèm theo).

-Ông Ngô Văn T thối cho bà K, ông L tổng cộng: 151.102.746 đồng. Chia phần mỗi người: 75.551.373 đồng.

Ông Ngô Văn Tr phải có nghĩa vụ thối cho bà K, ông L tổng cộng: 2.168.734.823 đồng. Chia phần mỗi người: 1.084.367.411 đồng.

Bà Nguyễn Thị L, cháu Ngô Anh Q, cháu Ngô Anh K (Do bà L là người đại diện hợp pháp) thối cho bà K, ông L tổng cộng: 135.855.240 đồng. Chia phần mỗi người: 67.927.620 đồng.

Chị Ngô Thị Phương L, anh Ngô Quốc H, chị Ngô Thị Minh H thối cho bà K, ông L tổng cộng: 184.406.939 đồng. Chia phần mỗi người: 92.203.469 đồng.

Ông Ngô Văn T thối cho bà K, ông L tổng cộng: 151.102.746 đồng. Chia phần mỗi người: 75.551.373 đồng.

Các đương sự được chia được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để xác lập quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí DSST:

- Ông Ngô Văn T phải chịu là 51.601.496 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 đồng theo Biên lai thu số 0004104 ngày 21/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê. Ông T còn phải nộp số tiền là 44.101.496 đồng.

- Bà Ngô Thị K phải chịu 51.601.496 đồng; Ông Ngô Văn L phải chịu 51.601.496 đồng; Hàng thừa kế của ông Ngô Văn Th gồm Chị Ngô Thị Phương L, anh Ngô Quốc H, chị Ngô Thị Minh H phải chịu là 51.601.496 đồng;

- Bà Nguyễn Thị L, cháu Ngô Minh Q, cháu Ngô Anh K được miễn toàn bộ án phí.

- Ông Ngô Văn Tr phải chịu là 57.601.496 đồng.

3. Án phí DSPT: 300.000 đồng Bà Ngô Thị K phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004807 ngày 17/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê.

4. Chi phí thẩm định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Ngô Văn T tự nguyện chịu là 26.000.000 đồng, đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Tòa án nhân dân quận Thanh Khê;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THA dân sự quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN THỊ BÉ

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THA dân sự quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THA dân sự quận Ngũ Hành Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bé

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Ánh **Trương Chí Trung** **Trần Thị Bé**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THA dân sự quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THA dân sự quận Ngũ Hành Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bé

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đặng Ánh Nguyễn Chí Trung	**Trần Thị Bé**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THA dân sự quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THA dân sự quận Ngũ Hành Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Phi Yến **Trần Hoài Sơn** **Trần Thị Bé**